

**TÒA ÁN NHÂN DÂN H
T PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HS-ST

Ngày 13 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa Bà Vũ Thiên H

Các Hội thẩm nhân dân Bà Nguyễn Thị N

Bà Nguyễn Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu T - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024 tại phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân T phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn D, sinh năm 1976; HKTT: Xóm T, xã U, huyện Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Gia G đã chết và bà Hoàng Thị Q sinh năm 1953, có vợ tên Hoàng Thị T sinh năm 1980 và 1 con sinh năm 2021, gia đình có 3 chị em, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không (Theo danh chỉ bản số 538, lập ngày 09/11/2023 của Công an huyện G, TP Hà Nội). Nhân thân:

- Ngày 31/10/1997, Tòa án nhân dân T phố Hà Nội xử phạt Lê Văn D 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản công dân” (Bản án số 1353/HSST). Đã nộp án phí HSST (Đã được xóa án tích).

- Ngày 12/9/2017, TAND huyện G xử “Miễn trách nhiệm hình sự” đối với Lê Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 125/2017/HS-ST). Viện KSND huyện G kháng nghị. Tại Bản án hình sự phúc thẩm

số 824/2017/HSPT ngày 17/11/2017 xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đã nộp 200.000 đồng án phí HSST.

- Ngày 16/6/2005, UBND huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong.

- Ngày 16/6/2009, UBND huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong.

Bị can bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 31/10/2023 đến ngày 09/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an T phố Hà Nội. “Có mặt”.

2. Nguyễn Đức T, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Tổ 5 thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; nơi tạm trú: tổ 27 thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Trọng T, sinh năm 1942 và bà D Thị Đ, sinh năm 1949, gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không (Theo danh chỉ bản số 537, lập ngày 09/11/2023 của Công an huyện G, TP Hà Nội).

Nhân thân:

- Ngày 30/10/1995, TAND quận H, Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (Bản án số 369/HSST). Ngày 01/10/1996, chấp hành xong án về địa phương. Đã nộp án phí HSST (Đã được xóa án tích).

- Ngày 06/12/1996, TAND huyện Đ xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 128/HS-ST). Ngày 16/3/1998, chấp hành xong án về địa phương. Đã nộp án phí HSST (Đã được xóa án tích).

- Ngày 01/7/1998, UBND T phố Hà Nội đưa vào cơ sở giáo dục trong thời gian 12 tháng. Đã chấp hành xong.

- Ngày 25/10/2000, Chủ tịch UBND T phố Hà Nội áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục trong thời gian 18 tháng. Đã chấp hành xong.

- Ngày 12/7/2004, UBND huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đức T trong thời gian 24 tháng. Đã chấp hành xong.

- Ngày 02/3/2009, UBND huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm GD-LĐXH số VI Hà Nội trong thời gian 24 tháng. Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 23/8/2010 của UBND huyện Đ về việc miễn chấp hành thời gian cai nghiện ma túy tại Trung tâm GD-LĐXH và Quyết định số 224/QĐ-UB ngày 21/12/2010 của UBND thị trấn Đ về việc áp dụng giáo dục và quản lý sau cai.

- Ngày 29/7/2011, UBND huyện Đ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm GD-LĐXH số III Hà Nội trong thời gian 24 tháng và Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND huyện Đ về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Ngày 08/9/2016 của Công an huyện Đ quyết định xử phạt vi phạm hành chính: phạt tiền 4.000.000 đồng về hành vi lăng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ.

- Ngày 09/11/2016 của Công an huyện Đ quyết định xử phạt vi phạm hành chính: phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi lăng mạ, chửi chửi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm T viên trong gia đình.

Bị can bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 31/10/2023 đến ngày 09/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an T phố Hà Nội. “Có mặt”

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1980, nơi cư trú: Xóm T, xã U, huyện Đ, Hà Nội “Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt”

+ Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1980, nơi cư trú: Xóm T, xã U, huyện Đ, Hà Nội. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản thân D và T là đối tượng nghiện chất ma túy và có quan hệ bạn bè quen biết nhau. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 31/10/2023, Lê Văn D một mình điều khiển xe ô tô BKS 29A-177.82 đi từ Đa Hội, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh về Hà Nội thì gặp Nguyễn Đức T đang đi bộ cùng chiều. D hỏi T có đi về cùng không, T đồng ý và ngồi vào ghế phụ phía trước cạnh ghế lái xe ô tô của D. Khi đi được một đoạn, D và T gặp một nam thanh niên không rõ nhân thân đang dừng đỗ xe máy ở ven đường cùng chiều, nam thanh niên hát hò thì D và T đều hiểu người này hỏi có mua ma túy không. D điều khiển xe ô tô đi chậm lại và lấy 200.000 đồng đưa cho T để T đưa tiền cho nam thanh niên qua cửa kính ô tô mục đích để D và T cùng sử dụng. Nam thanh niên cầm tiền và ném 01 túi ni lông màu trắng đựng ma túy vào trong xe ô tô qua cửa kính phía sau bên phải. D và T biết đã mua được ma túy và điều khiển xe ô tô đi đến khu vực đường Đ, thuộc địa phận Dốc L, xã Y, huyện G thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Lê Văn D khai: Nguyễn Đức T là người bảo D đưa cho T 200.000 đồng để mua ma túy thì D lấy số tiền 200.000 đồng đưa cho T để T đưa cho nam thanh niên bán ma túy, tuy nhiên Nguyễn Đức T khẳng định không bảo D đưa 200.000 đồng cho T như lời khai của D. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã tiến hành đối chất giữa Lê Văn D và Nguyễn Đức T nhưng D và T giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Lê Văn D, không có tài liệu chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xác định số tiền 200.000 đồng là do T bảo D đưa cho T để mua ma túy.

Đối với Nguyễn Đức T khi bị cơ quan Công an bắt quả tang và lời khai ban đầu ngày 31/10/2023, T khai nhận: gói ma túy Heroin bị cơ quan Công an thu giữ trong xe ô tô là của D và T vừa mua được nhằm mục đích để D và T cùng nhau sử dụng. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đức T thay đổi lời khai từ ngày 05/11/2023 về việc gói ma túy là của D tự bỏ tiền ra mua, bản thân T không phải góp tiền và không liên quan đến gói ma túy này, khi D lấy số tiền 200.000 đồng để mua ma túy, do D đang lái xe không đưa được tay ra ngoài được nên T cầm lấy tờ tiền 200.000 đồng của D đưa ra bên ngoài cửa kính ô tô cho nam thanh niên bán ma túy. Đến ngày 28/12/2023, Nguyễn Đức T lại thay đổi lời khai về việc: D lấy 200.000 đồng ném qua cửa kính xe ô tô bên phải phía trước cho nam thanh niên bán ma túy nhưng tờ tiền bị gió thổi ngược lại, rơi xuống chỗ T nên T đã cầm tiền đưa ra bên ngoài cho nam thanh niên. Mặc dù Nguyễn Đức T thay đổi lời khai như trên nhưng vẫn nhận thức được nam thanh niên điều khiển xe máy bán ma túy cho Lê Văn D, khi D trả 200.000 đồng tiền mua ma túy thì T giúp D đưa tiền cho nam thanh niên và nhận thức được nam thanh niên ném túi ni lông đựng ma túy vào trong xe ô tô qua cửa kính phía sau bên phải nên đủ cơ sở kết luận Nguyễn Đức T giúp sức cho Lê Văn D mua ma túy mục đích sử dụng cho bản thân.

Đối tượng nam thanh niên bán ma túy, do không xác định được nhân thân, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Cheverolet Spark, màu ghi BKS: 29A-177.82, số khung 484EBH900706, số máy: 8S3692477KC2; 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô, qua xác minh là tài sản thuộc sở hữu của chị Lê Thị L - sinh năm: 1980, trú tại: Xóm T, U, Đ, Hà Nội (là em gái của bị can Lê Văn D). Chị L là người mua xe ô tô và nhờ bị can D đứng tên đăng ký xe. Khi cho D mượn xe ô tô để đi chở hàng hóa là vải, quần áo, chị L không biết D sử dụng để mua ma túy, chị L đã có đơn đề nghị xin lại chiếc xe ô tô trên và các giấy tờ liên quan.

Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Lê Văn D là giấy tờ cá nhân của D; 01 túi ni lông màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng thu giữ của D có liên

quan đến hành vi phạm tội nên chuyển Cơ quan thi hành án dân sự để phục vụ xét xử.

Tại Kết luận giám định số 7326/KL-KTHS ngày 07/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an T Phố Hà Nội, kết luận: *Chất bột màu trắng bên trong 01 túi ni lông màu trắng là ma túy loại Heroin, khối lượng 0,177 gam.*

Bản cáo trạng số 61/CT-VKSGL ngày 31/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Đức T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

+ Bị cáo D trình bày là D đưa T 200.000 đồng để T đưa tiền cho người bán ma túy đứng bên ngoài xe ô tô, sau đó người thanh niên bán ma túy ném ma túy vào phía sau ghế của D và T sau đó 2 bị cáo bị bắt, D thừa nhận ma túy thu trên xe của bị cáo là bị cáo và T vừa mua về. 200.000 đồng mua ma túy là tiền do lao động mà có. Xe ô tô mang tên bị cáo, nhưng bị cáo chỉ đứng tên hộ em gái, bị cáo không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc đứng tên hộ em gái chiếc xe. Ngoài bị thu xe ra không còn bị thu giữ gì khác.

+ Bị cáo T khai có đưa tờ tiền 200.000 đồng của D cho người bán ma túy, sau đó người bán ma túy ném ma túy vào sau xe thì bị cáo biết, mục đích mua ma túy về để bị cáo và D sử dụng chung. Ngoài số ma túy, bị cáo không bị thu giữ tài sản gì khác.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với lời khai của bị cáo D và bị cáo T tại cơ quan điều tra thấy rằng: Hành vi của bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Đức T có đủ dấu hiệu cấu T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo T khẩn khai báo ăn năn hối cải. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo D chủ mưu, bỏ tiền ra mua ma túy, bị cáo T giúp sức để thực hiện việc mua ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 BLTTHS

Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do hai bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên đề nghị không áp dụng.

Về vật chứng:

-Tịch thu tiêu hủy 0.126 gam Heroine

-Tịch thu sung công: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark mang tên bị cáo Lê Văn D. Kèm theo 01 đăng ký xe số 521162 đăng ký xe ô tô BKS 29A-17782 tên đăng ký Lê Văn D + 01 Đăng kiểm xe ô tô BKS 29A-17782 số 5047035.

-Trả lại bị cáo Lê Văn D 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 270140002257 tên Lê Văn D

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về việc vắng mặt chị Lê Thị L, chị Hoàng Thị T tại phiên tòa: Xét thấy phiên tòa thứ nhất, chị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, căn cứ vào Điều 292 BLTTHS Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[3]. Về hành vi phạm tội: Xét ngày 31/10/2023, bị cáo D và T bị bắt quả tang, thu giữ ma túy là Heroine, đã được giám định theo quy định của pháp luật có khối lượng 0,177 gam. Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa qua đấu tranh thì đủ cơ sở kết luận T biết D dùng xe ô tô để mua ma túy của một người đàn ông lạ mặt, D đưa T tờ tiền 200.000 đồng để T ngồi ở ghế phụ trên đưa ra cửa xe ô tô cho người bán ma túy đứng bên phải xe ô tô để người bán ma túy đó ném gói ma túy bị thu giữ vào phía sau ghế ô tô của 2 bị cáo ngồi, nên đủ cơ sở kết luận D với sự giúp sức của T mua 01 gói Heroine để sử dụng cho bản thân. Hành vi của D và T đủ yếu tố cấu T tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm khách thể được Nhà nước bảo vệ là chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Nhân thân: tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự 2 bị cáo không có, nhưng các bị cáo đều có tiền án về loại tội xâm phạm sở hữu tài sản của công dân đều đã được xóa án tích, đều có nhiều tiền sự về việc đi cai nghiện ma túy đã hết thời hiệu, thể hiện có nhân thân xấu, đều đã được nhà nước giáo dục, nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, cai nghiện trở T người tốt mà tiếp tục sử dụng chất ma túy, nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi

xã hội một thời gian trong khung hình phạt để tiếp tục giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Các bị cáo đều T khẩn khai báo ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4]. Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với số ma túy 0,126 gam Heroine sau khi đi giám định về còn là vật nhà nước cấm lưu hành, cho tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet biển số 29A -17782 tên đăng ký xe Lê Văn D, bị cáo D sử dụng xe đi mua ma túy, để ma túy trên xe. Chị Lê Văn L là em gái của bị cáo D trình bày là xe của chị L nhờ D đứng tên, bị cáo D và vợ cũng trình bày đứng tên hộ nhưng không có tài liệu chứng minh nên không có căn cứ cho rằng xe ô tô đó thuộc quyền sở hữu của chị L. Bị cáo sử dụng tài sản của mình vào việc phạm tội cho tịch thu sung công là đúng với quy định tại Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS. Đối với Giấy đăng ký xe và giấy đăng kiểm xe ô tô sẽ được đi kèm theo xe ô tô khi tiến hành việc sung công.

+ Đối với 01 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 270140002257 tên Lê Văn D trả lại bị cáo.

[5]. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn D và Nguyễn Đức T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326 quy định về án lệ phí Tòa án.

[6]. Về những vấn đề khác:

+ Đối với đối tượng bán ma túy cho D và T ngày 31/10/2023, hiện không xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra Công an huyện G không có căn cứ xử lý, HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Đức T cùng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn D 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 31/10/2023.

+ Bị cáo Nguyễn Đức T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

31/10/2023.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,126 gam Heroine

- Tịch thu sung công: 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark biển số 29A-177.82, màu ghi, số khung 484EBH900706, số máy 8S3692477KC2, xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 Giấy đăng ký xe số 521162 đăng ký xe ô tô BKS 29A-177.82 tên đăng ký Lê Văn D + 01 Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô BKS 29A-177.82 số 5047035.

-Trả lại bị cáo Lê Văn D 01 Giấy phép lái xe hạng B2 số 270140002257 tên Lê Văn D.

(Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G)

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1 Luật trẻ em 2016. 2 bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự

Báo cho các bị cáo Lê Văn D, Nguyễn Đức T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Báo cho chị Lê Thị L, chị Hoàng Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Công an huyện G;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thiên Hương

- Lưu văn phòng.